

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2019/HS-ST
Ngày: 04/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Vinh
2. Ông Triệu Khánh Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Tú Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Kiệt, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Lê Q (Th); sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (s) và bà Võ Thị S (s); anh chị em ruột: Có 05 người; chồng: không xác định, có 01 người con sinh ngày 04/01/2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (bị cáo có mặt).

*** Người bị hại:** Nguyễn Trung K; sinh năm: 1982 (có mặt)

Trú tại: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh 4

*** Người làm chứng:**

- Hứa Nhân A; sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Q.

- Nguyễn Thanh T1 (B); sinh năm: 1991 (có mặt)

Trú tại: Khóm E, phường F, thị xã P, tỉnh Q

- Hồ Ngọc T2; sinh năm 1977 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm G, phường H, thành phố J, tỉnh Q

- Vương Vũ L; sinh năm: 1993 (vắng và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Khóm T, phường Y, thị xã P, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 10/01/2019, anh Nguyễn Trung K đến quán Cà phê Ngọc Trinh thuộc Khóm M1, phường N, thị xã P để uống cà phê thì gặp Nguyễn Lê Q là tiếp viên của quán. Sau đó, hai người thỏa thuận việc mua bán dâm với giá là 400.00 đồng nên K liền chở Q đến khách sạn Kim Thu thuộc khóm T1, phường Y, thị xã P để hành lạc. Lợi dụng lúc anh K đang tắm trong nhà vệ sinh thì Q đã lấy cái quần dài của anh K, trong túi quần có bóp đựng tiền là 7.000.000đ và các giấy tờ tùy thân; Q liền rời khỏi khách sạn và gọi xe ôm chở về hướng Sóc Trăng. Trên đường đi Q đã lấy số tiền là 7.000.000đ để tiêu xài, còn cái quần dài, bóp và các loại giấy tờ thì ném bỏ xuống sông cầu Thanh Nhàn thuộc xã 1, huyện 2, tỉnh Sóc Trăng.

Sau khi tiếp nhận tin báo của anh Nguyễn Trung K, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu tiến hành xác minh làm rõ thì Nguyễn Lê Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Lê Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để chiếm đoạt số tiền 7.000.000đ của bị hại Nguyễn Trung K.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKS-VC, ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Viện Kiểm Sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu truy tố bị cáo Nguyễn Lê Q về tội “Trộm cắp tài sản”

theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng trong phần tranh tụng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Lệ Q về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Lệ Q từ 03 tháng đến 04 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Trung K đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Lệ Q thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố cũng như lời trình bày của bị hại Nguyễn Trung K tại phiên tòa và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Trung K khẳng định có mất trộm tài sản đúng như nội dung Cáo trạng truy tố và lời nhận tội của bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Trung K đã nhận lại số tiền mất trộm và thỏa thuận xong với bị cáo nên không yêu cầu bồi thường thêm gì khác và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại xuất trình chứng cứ phù hợp với quy định pháp luật; bị cáo, bị hại không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại về hành vi quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người làm chứng Vương Vũ L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Hứa Nhân A và Hồ Ngọc T2 vắng mặt không rõ lý do nhưng trong quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng. Đồng thời, tại phiên tòa vị Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại

đều đề nghị xét xử vắng mặt những người nêu trên. Do đó, căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng nêu trên theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Lê Q khai nhận: Vào khoảng 15 giờ ngày 10/01/2019, lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của bị hại Nguyễn Trung K trong việc quản lý tài sản của mình nên Nguyễn Lê Q đã lén lút chiếm đoạt 7.000.000đ và các giấy tờ tùy thân khác của bị hại tại khách sạn Kim Thu.

[4] Như vậy, hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị cáo Nguyễn Lê Q đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, với số tiền mà bị cáo đã trộm được là 7.000.000 đồng nên tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, Cáo trạng số: 18/CT-VKS-VC ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Viện Kiểm Sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu truy tố bị cáo Nguyễn Lê Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo.

[5] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Lê Q thể hiện là người bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực pháp luật và bị cáo cũng thừa nhận là nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên bị cáo phải chịu trách nhiệm do hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[6] Xét tính chất, hành vi và hậu quả của bị cáo Nguyễn Lê Q gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Do bản chất tham lam nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của người quản lý tài sản để thực hiện hành vi lén lút trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội ở địa phương, tạo ra sự hoang mang, lo sợ của nhân dân trong việc quản lý tài sản. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải cách ly khỏi xã hội trong một thời gian hợp lý để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích sau này.

[7] Tuy nhiên, xét về nhân thân cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo như: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo và tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại được bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bà ngoại của bị cáo là liệt sĩ Trần Thị Nh đã được Tổ quốc ghi công

trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[8] Xét thấy bị cáo Nguyễn Lê Q không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo để trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Trung K đã nhận lại số tiền bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu không có thu giữ vật chứng nên không đặt ra xem xét.

[11] Tại phiên tòa, xét thấy đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người bị hại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Lê Q (Th) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Q (Th): 03 (Ba) tháng tù; thời gian phạt tù tính từ ngày tự nguyện hoặc bị bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Trung K đã nhận lại số tiền bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu không có thu giữ vật chứng nên không đặt ra xem xét.

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS Công an thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THA thị xã Vĩnh Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo, người bị hại, NCQLNVLQ;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Thanh

